

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ,
Hội đồng tư vấn cấp tỉnh; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập
trong các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2025-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Xét Tờ trình số 4087/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Nghị quyết quy định mức chi đặc thù cho Hội đồng sơ tuyển Giải thưởng chất lượng quốc gia; Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 4234/UBND-VHXXH ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 251/BC-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn cấp tỉnh; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2025-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết quy định mức chi cho các chuyên gia, cá nhân, tổ chức (không bao gồm các cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh) khi tham gia Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư, hồ sơ theo quy định hiện hành thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh được thành lập theo quy định của pháp luật thuộc các trường hợp sau:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 và Điều 8 Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 20 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

c) Xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và điểm c khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

d) Giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 6 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

đ) Tư vấn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh.

e) Lấy ý kiến, tổ chức chuyên gia tư vấn độc lập cho các trường hợp theo quy định tại:

- Điểm b khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 20 Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

- Điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và điểm c khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Khoản 7 Điều 4 Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 6 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nghị quyết không điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư; quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

b) Dự án đầu tư được tiếp tục gia hạn thời hạn hoạt động quy định tại điểm c khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

c) Kết quả giám định dẫn đến làm tăng nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập, cá nhân có liên quan đến Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh theo phạm vi điều chỉnh tại Điều 1.

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi họp		
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/hội đồng	5.000.000
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		4.000.000
-	Thư ký khoa học		900.000
-	Đại biểu tham dự phiên họp của Hội đồng để cung cấp thông tin liên quan đến dự án		500.000
2	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		2.000.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		3.000.000

2. Mức chi Hội đồng tư vấn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi họp		
-	Thành viên Hội đồng	Người/hội đồng	5.000.000
-	Thư ký khoa học		1.500.000
-	Đại biểu tham dự phiên họp của Hội đồng để cung cấp thông tin liên quan		1.000.000
2	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		3.000.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		5.000.000

3. Chi lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập: 14.000.000 đồng/chuyên gia, tổ chức/dự án.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các Hội đồng theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

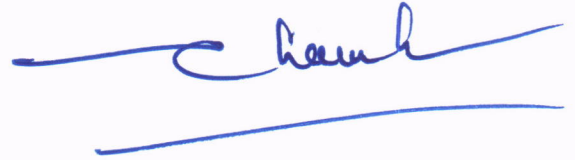
Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ11.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh